

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

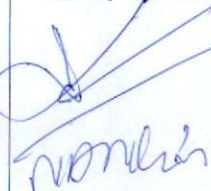
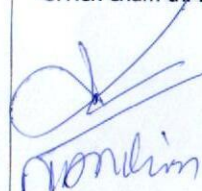
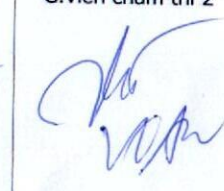
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhon (280018)**

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180072	NGUYỄN QUỐC ANH	29/11/2003	CCQ2218C				6,5	7,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180080	NGUYỄN CÔNG HIỀN	09/04/2003	CCQ2218C				2,3	3,0	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180119	TRƯƠNG MINH HÒA	23/11/2004	CCQ2218D				7,0	7,3	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122060037	NGUYỄN VĂN KHÁNH	29/06/2004	CCQ2218C				4,7	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122180069	VÕ ĐĂNG KHOA	17/04/2004	CCQ2218C				2,2	1,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180063	LÊ TRUNG KIÊN	23/12/2003	CCQ2118B				5,2	5,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180078	LÊ TRUNG KIÊN	28/12/2004	CCQ2218C				6,8	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180130	NGUYỄN VĂN LONG	25/07/2003	CCQ2218C				7,3	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180082	VĂN THÀNH LONG	10/12/2004	CCQ2218C				7,7	8,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180086	TRƯƠNG BÁ LUẬN	15/02/2004	CCQ2218C				7,7	7,8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180085	LÊ XUÂN LỰC	04/07/2004	CCQ2218C				6,8	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180083	NGUYỄN VĂN MINH	21/05/2004	CCQ2218C				6,8	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180081	HỒ ĐỖ TRUNG NGUYỄN	05/07/2004	CCQ2218C				6,7	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122110064	PHAN NGUYỄN THÀNH NHÂN	16/11/2003	CCQ2218D				2,3	1,0	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180084	NGUYỄN NGỌC PHÁT	11/10/2004	CCQ2218C				6,7	7,8	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122110378	TRƯƠNG THANH PHONG	25/06/2004	CCQ2218C				6,7	7,3	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180071	ĐOÀN ANH QUÂN	08/10/2004	CCQ2218C				6,3	7,0	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180076	PHẠM MINH QUÂN	19/11/2004	CCQ2218C				4,2	7,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180079	ĐÀNG LƯU SỬA	22/02/2001	CCQ2218C				7,0	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180075	TRẦN VĂN TÂM	30/05/2004	CCQ2218C				7,5	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

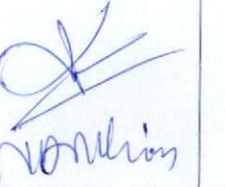
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 04**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhon (280018)**

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180089	NGUYỄN VĂN THỊNH	26/05/2004	CCQ2218C				73	75	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180088	LƯU VĂN THƯ	07/11/2004	CCQ2218C				72	75	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180070	ỨC CHIẾN	15/10/2003	CCQ2218C				6,3	73	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180074	VÕ HỒNG VÀNG	27/08/2004	CCQ2218C				67	75	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180077	THẬP VĂN ANH	02/04/2004	CCQ2218C				65	70	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180118	TRẦN XUÂN VŨ	18/04/2004	CCQ2218D				6,5	48	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

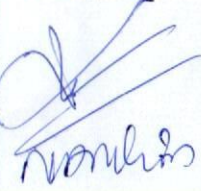
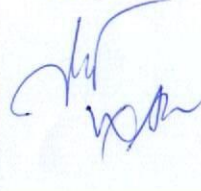
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 05**

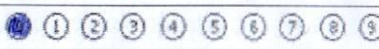
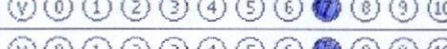
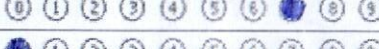
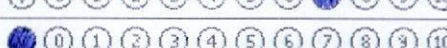
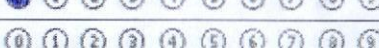
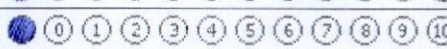
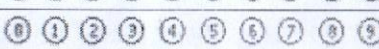
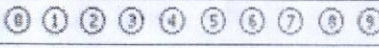
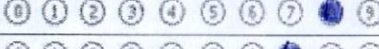
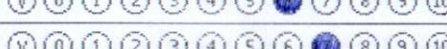
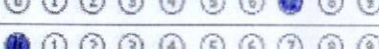
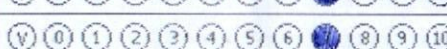
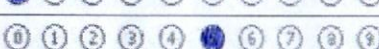
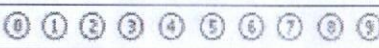
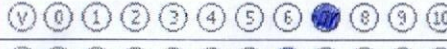
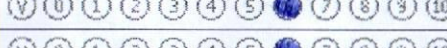
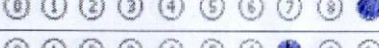
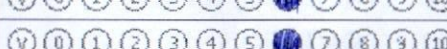
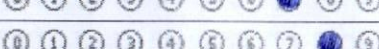
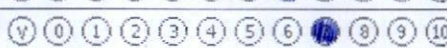
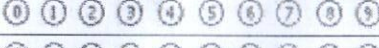
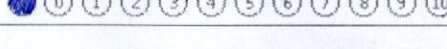
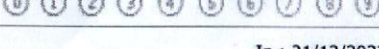
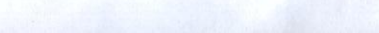
CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt: 20.....

Số bài thi: 20.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi-1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180093	DƯƠNG THẾ BẢO	30/10/2004	CCQ2218C				6,3	7,5	7,0		
2	2122180122	BÙI HỮU BÌNH	29/04/2000	CCQ2218C				6,7	7,0	6,9		
3	2122180096	TRẦN QUỐC CƯỜNG	23/05/2004	CCQ2218C				7,2	8,0	7,7		
4	2122180116	TRẦN ĐỨC DŨNG	09/09/2003	CCQ2218D				6,5	7,3	7,0		
5	2122180100	LÊ TRUNG ĐỨC	25/07/2004	CCQ2218C								
6	2122180115	NGÔ QUỐC HIỆP	26/01/2004	CCQ2218D								
7	2122170364	BÙI ĐỨC HUY	01/02/2004	CCQ2218D								
8	2122180103	HUỲNH HẬU HỮU	09/01/2004	CCQ2218D				7,5	6,3	6,8		
9	2122180094	PHAN TƯ KHOA	05/06/2004	CCQ2218C				6,5	6,8	6,7		
10	2122180127	LÊ QUỐC PHƯỚC	09/08/2004	CCQ2218D				6,7	7,3	7,0		
11	2122180102	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	15/02/2004	CCQ2218D				7,0	7,8	7,5		
12	2122180129	NGUYỄN HỮU TÀI	29/01/2002	CCQ2218D								
13	2122180131	BÙI LÊ HƯƠNG THIÊN	31/01/2004	CCQ2218D				7,5	7,5	7,5		
14	2122180098	BÙI NGUYỄN ĐÌNH THỐNG	22/10/2004	CCQ2218C				6,8	7,0	6,9		
15	2122180090	LÊ MINH THUẬN	11/07/2004	CCQ2218C				6,5	6,8	6,7		
16	2122180091	TRƯƠNG QUỐC TIẾNG	08/10/2004	CCQ2218C				7,2	6,5	6,8		
17	2122180124	NGUYỄN THÁI TOÀN	09/02/2004	CCQ2218D				7,2	8,0	7,7		
18	2122180114	LÊ MINH TRÍ	19/08/2004	CCQ2218D				7,2	8,0	7,7		
19	2122170471	NGUYỄN TRIỀU	29/07/2004	CCQ2218D								
20	2122180099	VÕ THANH TRỌNG	19/02/2004	CCQ2218C								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 05**

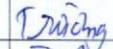
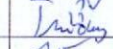
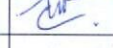
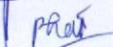
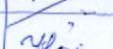
CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122180125	PHẠM MINH	TRƯỜNG	23/11/2000	CCQ2218D			70	70	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180113	TĂNG VĂN	TRƯỜNG	29/10/2004	CCQ2218D			72	78	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122180092	PHAN THÁI	TÚ	20/06/2004	CCQ2218C			50	70	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122180101	LÊ HOÀNG	TUẤN	20/09/2004	CCQ2218D						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122180095	NGUYỄN ANH	TUẤN	25/07/2004	CCQ2218C			73	75	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180123	Thuyành Minh	Phát	06/05/2004	CCQ2218D			6,8	73	71		
27	2122180126	Trần Trung Hải Hải		11/10/2004	CCQ2218D			5,7	55	5,6		